|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **XÃ QUẢNG CÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND |  *Quảng Công, ngày tháng 9 năm 2019* |

**BÁO CÁO**

 **Tình hình, kết quả thực hiện công tác**

 **kiểm soát thủ tục hành chính quý III năm 2019**

Thực hiện Công văn số: 1094/UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện Quảng Điền về việc Báo cáo công rác kiểm soát TTHC Quý III năm 2019, UBND xã Quảng Công báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) quý III năm 2019 như sau:

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính**

Thực hiện Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, trong Quý III năm 2019 trên địa bàn xã Quảng Công không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC, vì vậy không thực hiện đánh giá tác động của TTHC.

**2. Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL**

Trong Quý III/2019, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản QPPL có quy định thủ tục hành chính, vì vậy không có ý kiến tham gia đối với văn bản QPPL có quy định về TTHC.

**3. Về công bố, công khai TTHC**

Thực hiện Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC. UBND xã Quảng Công đã chỉ đạo các bộ phận thường xuyên cập nhật niêm yết kịp thời các TTHC được sửa đổi, bổ sung trên tất cả các lĩnh vực Tư pháp- hộ tịch; Văn phòng thống kê; Lao động thương binh xã hội; khiếu nại tố cáo; Công an; Địa chính- xây dựng; văn hóa xã hội… thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Quảng Công được UBND tỉnh công bố chuẩn hóa, bãi bỏ các TTHC đã hết hiệu lực giải quyết.

**4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

*(Có biểu mẫu 6a/VPCP/KSTT kèm theo)*

**5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC**

UBND xã Quảng Công chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và việc thực hiện quy định hành chính. Trong năm quý III/2019, UBND xã không có đơn thư phản ánh, kiến nghị về việc giải quyết thủ tục hành chính (Có biểu mẫu 5a/VPCP/KSTT kèm theo).

**6.Về rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Đã tiến hành rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, chưa có văn bản dự kiến sửa đổi, bổ sung, quy định mới theo thẩm quyền.

**7. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

 Phối hợp với Đài truyền thanh và Truyền hình, tuyên truyền ý nghĩa, hiệu quả, lợi ích của công tác kiểm soát TTHC. Phối hợp với các ban, ngành tuyên truyền kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong các hội nghị, cuộc họp về công tác kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn xã về hoạt động kiểm soát TTHC.

**8. Về việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC:** Không có

**9. Về công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

Thông qua hoạt động tự kiểm tra, kiểm soát TTHC đôn đốc, hướng dẫn các ban, ngành khắc phục những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai hoạt động kiểm soát TTHC, nhằm đánh giá kịp thời, toàn diện tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC tại xã Quảng Công.

**10. Nội dung khác**

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC: UBND xã ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019; Kế hoạch tự kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2019.

- Về tình hình thực hiện niêm yết công khai các quy định về TTHC theo Quyết định công bố tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

Việc niêm yết công khai các quy định về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện đúng quy định, TTHC rõ ràng, niêm yết khoa học tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

 **1. Ưu điểm**

Trong quý III năm 2019, công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn xã đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra. Việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai thủ tục hành chính đã góp phần nâng cao chất lượng thể chế, minh bạch hóa hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tốt hơn cho tổ chức và cá nhân. Việc rà soát, công bố TTHC, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC được thực hiện theo quy định. Việc tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của công dân về TTHC được giải quyết kịp thời với sự đồng thuận, nhất trí cao.

Nhìn chung, công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn đã được triển khai đồng bộ, thống nhất theo hướng dẫn chung và cơ bản đi vào nền nếp. Việc kiểm soát chất lượng thủ tục hành chính đã góp phần sửa đổi, bổ sung văn bản phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**2. Khó khăn, vướng mắc**

- Cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC kiêm nhiệm nên chưa giành nhiều thời gian cho công việc, đã ảnh hưởng đến hiệu quả chất lượng của công tác kiểm soát TTHC của địa phương.

**3. Hạn chế và nguyên nhân**

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước thường xuyên thay đổi nên phần nào ảnh hưởng đến công tác rà soát, thống kê, sửa đổi thủ tục hành chính.

**III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV/2019**

Tập trung triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

1. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Công bố kịp thời, đầy đủ các TTHC ban hành mới, TTHC sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa theo quy định của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ.

 3. Thực hiện tốt công tác truyền thông về kiểm soát TTHC, xây dựng chuyên mục kiểm soát TTHC và giải đáp các vấn đề liên quan về TTHC trên Trang thông tin điện tử.

4. Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết TTHC, địa chỉ, số máy điện thoại chuyên dùng, hòm thư điện tử về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại trụ sở UBND xã.

5. Nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các ban, ngành để thực hiện có hiệu quả việc rà soát TTHC trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các TTHC không phù hợp với quy định hiện hành. Cập nhật các TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tỉnh.

 ***Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC quý III và nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2019, Ủy ban nhân dân xã báo cáo UBND huyện theo dõi, chỉ đạo./.***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND huyện;- CT, PCT UBND xã;- Các ban, ngành xã;- Lưu: VT, KSTTHC. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** **Lê Duận** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 05a/VPCP/KSTT**Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 / 10 /2017. | **KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH (Quý/năm)**Kỳ báo cáo: Quý III*(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2019* *đến ngày 14 tháng 9 năm2019)* |  **Đơn vị báo cáo:** **UBND xã Quảng Công**; **Đơn vị nhận báo cáo:** UBND cấp Huyện. |

*Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành, lĩnh vực có PAKN** | **Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)** | **Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính** | **Đăng tải công khai kết quả xử lý** |
| **Tổng số** | **Chia ra** | **Đã xử lý** | **Đang xử lý** |
| **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** | **Tổng số** | **Chia theo nội dung PAKN** | **Chia theo thời điểm tiếp nhận** | **Tổng số** | **Chia ra** |  |
| **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** | **Tiếp nhận mới trong kỳ** | **Kỳ trước chuyển qua** | **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** |
| A | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| Lĩnh vực Chính sách xã hội | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  | 0 |  |  |  |
| Lĩnh vực đất đai, xây dưng | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  | 0 |  |  |  |
| Lĩnh vực hộ khẩu | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  | 0 |  |  |  |
| Lĩnh vực Tư pháp-hộ tịch | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  | 0 |  |  |  |
| **Tổng cộng** | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  | 0 |  |  |  |

***Ghi chú: Không có phản ánh kiến nghị nào về CCHC***

*Quảng Công, ngày 14 tháng 9 năm 2019*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

 **Lê Duận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 06a/VPCP/KSTT**Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017. | **TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC (Quý/năm)**Kỳ báo cáo: Quý III*(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2019* *đến ngày 14 tháng 9 năm2019)* | **Đơn vị báo cáo:** **UBND xã Quảng Công****Đơn vị nhận báo cáo:**UBND cấp huyện Văn phòng UBND (Phòng Kiểm soát TTHC) |

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp** | **Số hồ sơ nhận giải quyết** | **Kết quả giải quyết** | **Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông** |
| **Tổng số** | **Trong đó** | **Số hồ sơ đã giải quyết** | **Số hồ sơ đang giải quyết** | **Tổng số** | **Đã giải quyết** | **Đang giải quyết** |
| **Số mới tiếp nhận trực tuyến** | **Số kỳ trước chuyển qua** | **Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)** | **Tổng số** | **Trả đúng thời hạn** | **Trả quá hạn** | **Tổng số** | **Chưa đến hạn** | **Quá hạn** | **Đúng thời hạn** | **Quá thời hạn** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 1 | Lĩnh vực: Hộ tịch | 167 |  |  | 167 | 167 | 163 | 4 |  |  |  | 167 | 163 | 04 |  |
| 2 | Lĩnh vực: Chứng thực | 159 |  |  | 159 | 159 | 156 | 3 |  |  |  | 159 | 156 | 03 |  |
| 3 | Lĩnh vực: Nuôi con nuôi | 0 |  |  | 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Lĩnh vực: Hòa giải cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Lĩnh vực: Tôn giáo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Lĩnh vực: Thi đua khen thưởng | 8 |  |  | 8 | 8 | 8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Lĩnh vực: phát triển nông thôn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Lĩnh vực: khuyến nông |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Lĩnh vực: Quản lý an toàn đập, hồ chứa, thủy điện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Lĩnh vực: Văn hóa-thể thao |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Lĩnh vực: Người có công | **1** |  |  | **1** | **1** | **1** |  |  |  |  | **1** | **1** |  |  |
| 15 | Lĩnh vực: Đất đai | **33** |  |  | **33** | **29** | **6** | **23** | **4** | **1** | **3** | **33** | **6** | **23** | **4** |
| 16 | Lĩnh vực: Môi trường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Lĩnh vực: Kinh tế tập thể-HTX |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội | **30** |  |  | **30** | **30** | **29** | **01** |  |  |  | **30** | **29** | **01** |  |
| 19 | Linh vực: Khiếu nại-tố cáo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Lĩnh vực: Bảo vệ và chăm sóc trẻ em |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 22 | Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | Lĩnh vực: Dân tộc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | Lĩnh vực: Y tế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** | **398** |  |  | **398** | **394** | **363** | **31** | **4** | **1** | **3** | **380** | **355** | **31** | **4** |

*Quảng Công, ngày 14 tháng 9 năm 2019*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

 **Lê Duận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 06g/VPCP/KSTT**Ban hành theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017. | **NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Quý/năm)**Kỳ báo cáo: Quý *(Từ ngày 15 tháng 6 năm 2019 đến ngày14 thán 9 năm 2019)* | **Đơn vị báo cáo:**- UBND xã Quảng Công**Đơn vị nhận báo cáo:**Văn phòng HĐND-UBND huyện Quảng Điền |

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết** | **Số lượng hồ sơ** | **Nguyên nhân quá hạn** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | *Lĩnh vực ... (Ví dụ lĩnh vực Đất đai)* | 50 | a1x 5; a2x3; b3x10; c1x50 |  |
| 2 | *Lĩnh vực ...* |  |  |  |
| 3 | *Lĩnh vực ...* |  |  |  |
|  | Tổng số: |  |  |  |

**II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

**1) a1x5:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Nội dung vướng mắc** | **Văn bản QPPL** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| *I* | *Lĩnh vực A* |
| 1 | TTHC 1 (ví dụ thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ) | Chưa rõ ràng ở quy định về điều kiện ... *(ví dụ điều kiện về khu dân cư hiện hữu, ổn định)* | Quy định tại Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ... *(ví dụ: quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của UBND TP HCM về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)* |
| 2 | TTHC 2 |  |  |
| *II* | *Lĩnh vực B* |
| 1 | TTHC 3 |  |  |
| 2 | TTHC 4 |  |  |
| 3 | TTHC 5 |  |  |

**2. a2x3:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Nội dung vướng mắc** | **Văn bản QPPL** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| *I* | *Lĩnh vực ...* |
| 1 | TTHC 1 (ví dụ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) | Mâu thuẫn về ... (ví dụ mâu thuẫn về cách xác định diện tích sàn căn hộ chung cư)) | Quy định tại Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ... mâu thuẫn với Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ...; (ví dụ: Khoản 2 Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định 2 cách tính diện tích sàn căn hộ chung cư, đó là: cách thứ nhất: *“tính kích thước thông thủy của căn hộ”* và cách thứ hai là: *“tính từ tim tường bao, tường ngăn chia các căn hộ”*. Cách tính diện tích sàn căn hộ thứ hai có kết quả khác với cách tính thứ nhất về kích thước, ranh giới và diện tích căn hộ. Trong khi đó, Luật Nhà ở và Điều 49 của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở chỉ quy định diện tích căn hộ được tính theo cách thứ nhất, không quy định tính theo cách thứ hai. Như vậy, Thông tư 16 của Bộ Xây dựng đã quy định cách tính diện tích sàn căn hộ chung cư không thống nhất với quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 71); |
| 2 | TTHC 2 |  |  |
| *II* | *Lĩnh vực ...* |
| 1 | TTHC 3 |  |  |